

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục đô thị loại II, loại III, phường đạt mức quy định trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 179/TTr-SXD ngày 09 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục đô thị loại II, loại III, phường đạt mức quy định trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Chi tiết theo Phụ lục 01 và 02 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, XDCT(L).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Hải

Phụ lục 01**DANH MỤC ĐÔ THỊ LOẠI II, LOẠI III TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

TRƯỚC CHUYỂN TIẾP				SAU CHUYỂN TIẾP				
STT	Tên đô thị trước sắp xếp	Loại đô thị	Quyết định công nhận loại đô thị	STT	Tên đô thị	Loại đô thị	Phạm vi đô thị	Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	I	Quyết định số 373/QĐ-TTg ngày 24/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ	1	Đô thị Đà Lạt	II	Gồm các phường Xuân Hương- Đà Lạt, Cam Ly-Đà Lạt, Đà Lạt, Lâm Viên-Đà Lạt, Xuân Trường Đà Lạt, một phần phường Lang Biang (Thành phố Đà Lạt trước sắp xếp)	396,46
2	Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	III	Quyết định 225/QĐ-BXD ngày 11/3/2009 của Bộ Xây dựng	2	Đô thị Bảo Lộc	II	Gồm các phường Phường 1 Bảo Lộc, Phường 3 Bảo Lộc, Phường Blao và một phần Phường 2 Bảo Lộc (Thành phố Bảo Lộc trước sắp xếp)	233,15
3	Thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	III	Quyết định số 209/QĐ-BXD ngày 12/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	3	Đô thị Gia Nghĩa	II	Gồm các phường Đông Gia Nghĩa, Nam Gia Nghĩa và một phần phường Bắc Gia Nghĩa (Thành phố Gia Nghĩa trước sắp xếp)	284,10
4	Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	II	Quyết định số 890/QĐ-TTg ngày 24/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ	4	Đô thị Phan Thiết	II	Gồm các phường, Phan Thiết, Phú Thủy, Mũi Né, Tiến Thành, một phần phường Hàm Thắng, một	211,17

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
							phần phường Bình Thuận và một phần xã Tuyên Quang (Thành phố Phan Thiết, trước sắp xếp)	
5	Thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận	III	Quyết định số 32/QĐ-BXD ngày 17/01/2018 của Bộ Xây dựng	5	Đô thị La Gi	II	Gồm các phường La Gi, Phước Hội và xã Tân Hải (Thị xã La Gi trước sắp xếp)	183,74
6	Thị trấn Đắc Mâm, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	V	Quyết định số 2223/QĐ-CTUBND ngày 05/12/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông	6	Đô thị Đắc Mâm	III	Một phần xã Krông Nô (Thị trấn Đắc Mâm trước sắp xếp)	18,17
7	Thị trấn Đức An, huyện Đắc Song, tỉnh Đắk Nông	V	Quyết định số 169/QĐ-CTUBND ngày 05/02/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông	7	Đô thị Đức An	III	Một phần xã Đức An (Thị trấn Đức An trước sắp xếp)	12,80
8	Đô thị Nam Dong, xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	V	Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông	8	Đô thị Nam Dong	III	Một phần xã Nam Dong (Đô thị Nam Dong trước sắp xếp)	3,72
9	Đô thị Quảng Khê, xã Quảng Khê, huyện Đắc Glong, tỉnh Đắk Nông	V	Quyết định số 556/QĐ-CTUBND ngày 14/4/2014 của UBND tỉnh Đắk Nông	9	Đô thị Quảng Khê	III	Một phần xã Quảng Khê (Đô thị Quảng Khê trước sắp xếp)	12,12
10	Đô thị Đắc Buk So, xã Đắc Buk So huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông	V	Quyết định số 2222/QĐ-CTUBND ngày 05/12/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông	10	Đô thị Đắc Buk So	III	Một phần xã Tuy Đức (Đô thị Đắc Buk So trước sắp xếp)	9,62
11	Thị trấn Đắc Mil, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắk Nông	IV	Quyết định số 1534/QĐ-BXD ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	11	Đô thị Đắc Mil	III	Một phần xã Đức Lập (Thị trấn Đắc Mil trước sắp xếp)	4,82

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
12	Đô thị Ea T'ling mở rộng (Thị trấn Ea T'ling và xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông)	IV	Quyết định số 818/QĐ-BXD ngày 18/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	12	Đô thị Ea T'ling mở rộng	III	Một phần xã Cư Jút (Thị trấn Ea T'ling và xã Tâm Thắng trước sắp xếp)	44,15
13	Thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông	IV	Quyết định số 799/QĐ-BXD ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	13	Đô thị Kiến Đức	III	Một phần xã Kiến Đức (Thị trấn Kiến Đức trước sắp xếp)	16,01
14	Thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	V	Quyết định số 3636/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh Bình Thuận	14	Đô thị Phú Long	III	Một phần phường Hàm Thắng (Thị trấn Phú Long trước sắp xếp)	25,35
15	Thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận	V	Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Bình Thuận	15	Đô thị Đức Tài	III	Một phần xã Hoài Đức (Thị trấn Đức Tài trước sắp xếp)	31,50
16	Thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	V	Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh Bình Thuận	16	Đô thị Chợ Lầu	III	Một phần xã Bắc Bình (Thị trấn Chợ Lầu trước sắp xếp)	33,61
17	Thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	V	Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 05/7/2007 của UBND tỉnh Bình Thuận	17	Đô thị Lương Sơn	III	Một phần xã Lương Sơn (Thị trấn Lương Sơn trước sắp xếp)	29,87
18	Thị trấn Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận	V	Quyết định số 3565/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Bình Thuận	18	Đô thị Thuận Nam	III	Một phần xã Hàm Thuận Nam (Thị trấn Thuận Nam trước sắp xếp)	30,93
19	Thị trấn Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân,	V	Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày	19	Đô thị Tân Nghĩa	III	Một phần xã Hàm Tân (Thị trấn Tân Nghĩa trước sắp	56,15

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	tỉnh Bình Thuận		04/6/2007 của UBND tỉnh Bình Thuận				xếp)	
20	Thị trấn Tân Minh, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	V	Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 30/6/2003 của UBND tỉnh Bình Thuận	20	Đô thị Tân Minh	III	Một phần xã Tân Minh (Thị trấn Tân Minh trước sắp xếp)	8,70
21	Thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận	V	Quyết định số 3566/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Bình Thuận	21	Đô thị Võ Xu	III	Một phần xã Đức Linh (Thị trấn Võ Xu trước sắp xếp)	28,27
22	Thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	IV	Quyết định số 1057/QĐ-BXD ngày 16/12/2011 của Bộ Xây dựng	22	Đô thị Phan Rí Cửa	III	Một phần xã Phan Rí Cửa (Thị trấn Phan Rí Cửa trước sắp xếp)	14,94
23	Thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận		Chưa được công nhận đô thị	23	Đô thị Liên Hương	III	Một phần xã Liên Hương (Thị trấn Liên Hương, trước sắp xếp)	10,33
24	Thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận		Chưa được công nhận đô thị	24	Đô thị Ma Lâm	III	Một phần xã Hàm Thuận (Thị trấn Ma Lâm trước sắp xếp)	17,21
25	Thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận		Chưa được công nhận đô thị	25	Đô thị Lạc Tánh	III	Một phần xã Tánh Linh (Thị trấn Lạc Tánh, trước sắp xếp)	38,59
26	Thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	V	Quyết định số 2739/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng	26	Đô thị Nam Ban	III	Một phần xã Nam Ban Lâm Hà (Thị trấn Nam Ban trước sắp xếp)	20,47
27	Thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	V	Quyết định số 2738/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND	27	Đô thị Đinh Văn	III	Một phần xã Đinh Văn Lâm Hà (Thị trấn Đinh Văn trước sắp xếp)	35,11

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
			tỉnh Lâm Đồng					
28	Thị trấn Thanh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng	V	Quyết định số 1603/QĐ-UBND ngày 31/7/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng	28	Đô thị Thanh Mỹ	III	Một phần xã Đơn Dương (Thị trấn Thanh Mỹ trước sắp xếp)	21,47
29	Thị trấn D'ran, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng	V	Quyết định số 1602/QĐ-UBND ngày 31/7/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng	29	Đô thị D'ran	III	Một phần xã D'ran (Thị trấn D'ran trước sắp xếp)	136,44
30	Thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng	V	Quyết định số 1601/QĐ-UBND ngày 31/7/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng	30	Đô thị Lạc Dương	III	Một phần Phường Lang Biang - Đà Lạt (hị trấn Lạc Dương trước sắp xếp)	70,14
31	Thị trấn Lộc Thắng huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng	V	Quyết định số 2740/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng	31	Đô thị Lộc Thắng	III	Một phần xã Bảo Lâm 1 (Thị trấn Lộc Thắng trước sắp xếp)	80,27
32	Thị trấn Mađaguôi, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng	V	Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 31/7/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng	32	Đô thị Mađaguôi	III	Một phần xã Đa Huoai (Thị trấn Mađaguôi trước sắp xếp)	25,41
33	Thị trấn Đa Têh, huyện Đa Têh, tỉnh Lâm Đồng	V	Quyết định số 2741/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng	33	Đô thị Đa Têh	III	Một phần xã Đa Têh (Thị trấn Đa Têh trước sắp xếp)	24,94
34	Thị trấn Cát Tiên, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng	V	Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 31/7/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng	34	Đô thị Cát Tiên	III	Một phần xã Cát Tiên (Thị trấn Cát Tiên trước sắp xếp)	20,11
35	Thị trấn Phước Cát, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng	V	Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 12/10/2011 của UBND	35	Đô thị Phước Cát	III	Một phần xã Cát Tiên 2 (Thị trấn Phước Cát trước sắp xếp)	16,97

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
			tỉnh Lâm Đồng					
36	Thị trấn Đạ M'ri, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng	V	Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng	36	Đô thị Đạ M'ri	III	Một phần xã Đạ Huoai 2 (Thị trấn Đạ M'ri trước sắp xếp)	126,46
37	Thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	IV	Quyết định số 716/QĐ- BXD ngày 30/6/2009 của Bộ Xây dựng	37	Đô thị Liên Nghĩa	III	Một phần xã Đức Trọng (Thị trấn Liên Nghĩa trước sắp xếp)	37,88
38	Thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng	IV	Quyết định số 126/QĐ- BXD ngày 12/02/2025 của Bộ Xây dựng	38	Đô thị Di Linh	III	Một phần xã Di Linh (Thị trấn Di Linh trước sắp xếp)	25,01

GHI CHÚ:

1. Phạm vi đô thị sau chuyển tiếp là phạm vi của thành phố, thị xã, thị trấn tương ứng trước sắp xếp.
2. Đối với các đô thị trước sắp xếp không là thị trấn (Nam Dong, Quảng Khê, Đăk Buk So) và Đô thị Ea T'Ling mở rộng, phạm vi đô thị được xác định trên cơ sở phạm vi đô thị đã được cấp có thẩm quyền công nhận.

Phụ lục 02**DANH MỤC PHƯỜNG ĐẠT MỨC QUY ĐỊNH TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TRONG ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)*

TRƯỚC CHUYỂN TIẾP			SAU CHUYỂN TIẾP		
STT	Tên đơn vị hành chính	Mức trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại	STT	Tên phường	Mức trình độ phát triển đô thị trong đô thị loại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Phường 1, phường 2, phường 3, phường 4, phường 10 (Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng)	I	1	Phường Xuân Hương – Đà Lạt	II
2	Phường 8, phường 9, phường 12 (Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng)	I	2	Phường Lâm Viên – Đà Lạt	II
3	Phường Phú Trinh, phường Lạc Đạo và phường Bình Hưng (Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận)	II	3	Phường Phan Thiết	II
4	Phường Thanh Hải, phường Phú Hải và phường Phú Thủy (Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận)	II	4	Phường Phú Thủy	II
5	Phường 5, phường 6, xã Tà Nung (Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng)	I	5	Phường Cam Ly - Đà Lạt	III
6	Phường 11, xã Xuân Thọ, xã Xuân Trường và xã Trạm Hành	I	6	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	III

	(Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng)				
7	Phường 7 (Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng)	I	7	Phường Lang Biang - Đà Lạt	III
	Thị trấn Lạc Dương (Huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng)	V			
	Xã Lát (Huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng)				
8	Phường 1, phường Lộc Phát và xã Lộc Thanh (Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng)	III	8	Phường 1 Bảo Lộc	III
9	Phường 2, xã Đam Bri (Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng)	III	9	Phường 2 Bảo Lộc	III
	Xã Lộc Tân (Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng)				
10	Phường Lộc Tiến, xã Lộc Châu và xã Đại Lào (Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng)	III	10	Phường 3 Bảo Lộc	III
11	Phường Lộc Sơn, phường B'Lao và xã Lộc Nga (Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng)	III	11	Phường B'Lao	III
12	Phường Nghĩa Phú, phường Nghĩa Tân và xã Đắc R'Moan (Thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông)	III	12	Phường Nam Gia Nghĩa	III
13	Phường Nghĩa Đức, phường Nghĩa Thành, phường Quảng Thành (Thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông)	III	13	Phường Bắc Gia Nghĩa	III
	Xã Đắc Ha (Huyện Đăk Glong, tỉnh Đắk Nông)				
14	Phường Nghĩa Trung và xã Đắc Nia (Thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông)	III	14	Phường Đông Gia Nghĩa	III
15	Phường Xuân An (Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận)	III	15	Phường Hàm Thắng	III
	Thị trấn Phú Long (Huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận)	V			
	Xã Hàm Thắng (Huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận)				
16	Phường Hàm Tiến, phường Mũi Né và xã Thiện Nghiệp (Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận)	II	16	Phường Mũi Né	III
17	Phường Phú Tài, xã Phong Nẫm (Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận)	II	17	Phường Bình Thuận	III

	Bình Thuận)				
	Xã Hàm Hiệp (Huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận)				
18	Phường Đức Long và xã Tiến Thành (Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận)	II	18	Phường Tiến Thành	III
19	Phường Tân An, phường Tân Thiện và xã Tân Bình (Thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận)	III	19	Phường La Gi	III
20	Phường Phước Hội, phường Phước Lộc, xã Tân Phước (Thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận)	III	20	Phường Phước Hội	III